

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
VIỆN QUY HOẠCH
THỦY LỢI MIỀN NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 151/QHTLMN
V/v: Đề xuất dự án
điều tra cơ bản năm 2024 phục vụ cấp
nước sạch nông thôn

TP. Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 6 năm 2024

Kính gửi: Phòng Quản lý nước sạch nông thôn (Cục Thủy lợi)

Trong bối cảnh vùng ĐBSCL thường xuyên xảy ra tình trạng hạn hán, xâm nhập mặn, nhất là thời đoạn vào mùa khô gây ảnh hưởng lớn đến sản xuất và đời sống của người dân đặc biệt là vùng ven biển, cũng như để chuẩn bị cho việc đề xuất dự án điều tra cơ bản năm 2024 và các năm tiếp theo, Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam kính gửi Quý cơ quan đề xuất dự án điều tra cơ bản để tổng hợp trình Cục Thủy lợi như sau:

- Điều tra, đánh giá và đề xuất giải pháp tạo nguồn, chuyển nước đảm bảo nguồn nước ngọt ổn định phục vụ cấp nước sinh hoạt nông thôn cho khu vực chịu ảnh hưởng xâm nhập mặn vùng ven biển Bán đảo Cà Mau.

Chi tiết đề xuất như trong phụ lục đính kèm.

Trân trọng./.

Nơi gửi:

- Như trên;
- Lưu VPV.

VIỆN TRƯỞNG



Đỗ Đức Dũng

ĐỀ CƯƠNG TÓM TẮT DỰ ÁN ĐIỀU TRA CƠ BẢN ĐĂNG KÝ MỞ MỎI

*Đính kèm Công văn 151/QHTLMN ngày 4 tháng 6 năm 2024
của Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam*

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dự án:

Điều tra, đánh giá và đề xuất giải pháp tạo nguồn, chuyển nước đảm bảo nguồn nước ngọt ổn định phục vụ cấp nước sinh hoạt nông thôn cho khu vực chịu ảnh hưởng xâm nhập mặn vùng ven biển Bán đảo Cà Mau.

2. Cơ quan đề xuất: Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam.

3. Cơ quan quản lý dự án: Cục Thủy lợi.

4. Khái toán kinh phí:

4.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn tỷ năm trăm triệu đồng). Trong đó dự kiến:

- Kinh phí năm 2024: 1.430.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ bốn trăm ba mươi triệu đồng)

- Kinh phí năm 2025: 3.070.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba tỷ không trăm bảy mươi triệu đồng)

5. Thời gian thực hiện dự kiến: 2024 - 2025

6. Hình thức thực hiện: Giao nhiệm vụ.

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRA

1. Mục tiêu thực hiện dự án:

a. Mục tiêu chung:

Điều tra, đánh giá đúng thực trạng cấp nước sinh hoạt nông thôn, tiềm năng nguồn nước của vùng và khu vực liên quan để từ đó đề xuất được giải pháp tạo nguồn, chuyển nước nhằm đảm bảo cấp nước ngọt ổn định phục vụ cấp nước sinh hoạt nông thôn cho khu vực chịu ảnh hưởng xâm nhập mặn vùng ven biển Bán đảo Cà Mau. Kết quả điều tra, đánh giá và đề xuất giải pháp sẽ là cơ sở phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo điều hành, xây dựng kế hoạch chủ động đầu tư xây dựng và ứng phó kịp thời trước tình huống khẩn cấp thiếu nước sạch ở khu vực nông thôn vùng ven biển Bán đảo Cà Mau.

b. Mục tiêu cụ thể.

(1) Điều tra, thu thập, khảo sát để xây dựng bộ cơ sở dữ liệu đầy đủ, chi tiết về hiện trạng cấp nước sạch nông thôn và tiềm năng nguồn nước ngọt (nước mặt) vùng ven biển Bán đảo Cà Mau: (i) Công trình cấp nước: tập trung hay đơn lẻ, công trình sử dụng nguồn nước mặt hay nước ngầm.; (ii) Hệ thống hạ tầng phục vụ cấp nước sạch nông thôn (công trình chứa nước thô, hệ thống đường ống, hệ

thông kênh trữ,...); (iii) Công trình khác (khu dân cư tập trung, hệ thống giao thông, khu công nghiệp,...) và các dữ liệu khác có ảnh hưởng đến quá trình cấp nước sạch nông thôn vùng ven biển Bán đảo Cà Mau.

(2) Lập bản đồ hiện trạng và Cập nhật dữ liệu lên bản đồ Webgis hiện trạng cơ sở hạ tầng cấp nước sạch nông thôn vùng Bán đảo Cà Mau phục vụ công tác quản lý, vận hành, chỉ đạo điều hành.

(3) Đánh giá tác động của xâm nhập mặn, nước biển dâng có ảnh hưởng đến nguồn nước ngọt (nước mặt) cấp nước sạch nông thôn cho vùng ven biển Bán đảo Cà Mau.

(4) Xác định được những khó khăn, bất lợi trong quá trình cấp nước sạch nông thôn vùng ven biển Bán đảo Cà Mau từ đó đề xuất các giải pháp tạo nguồn, chuyển nước như: xây dựng hồ chứa, khu trữ, cải tạo và nâng cấp sông - kênh - rạch để trữ, xây dựng thêm các nhà máy, xây dựng tuyến đường ống chính chuyển nước và kết nối với những nơi có nguồn nước dồi dào, các khu xử lý nước tập trung,... phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo điều hành, xây dựng kế hoạch chủ động và ứng phó kịp thời trước tình huống khẩn cấp thiếu nước cho toàn vùng ven biển Bán đảo Cà Mau nói chung và cho mỗi tỉnh/thành phố thuộc vùng ven biển Bán đảo Cà Mau nói riêng gồm tỉnh Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau và một phần của Kiên Giang.

2. Tổng quan về các nguồn thông tin hiện có và luận giải sự cần thiết phải tiến hành điều tra:

a. Tính sẵn có và chất lượng các thông tin mà dự án quan tâm;

Thông tin được lưu trữ ở các Cơ quan nghiên cứu, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục Thủy lợi, Trung tâm nước sinh hoạt nông thôn và công ty Khai thác công trình thủy lợi... ở các tỉnh, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, Phòng hạ tầng... ở các huyện theo các hình thức, chất lượng khác nhau, thiếu tính đồng bộ; cần phải thu thập, đánh giá, tổng hợp, đồng bộ số liệu.

b. Các cuộc điều tra có nội dung tương tự và các khiếm khuyết do tần suất, phạm vi, nội dung và chất lượng nghiên cứu:

Các tài liệu hiện có chưa đủ phục vụ xây dựng Nhiệm vụ, cần phải tiếp tục thực hiện bổ sung, cụ thể như sau: Tài liệu hiện có được thu thập qua nhiều nguồn, cũ và không đồng bộ, không phù hợp thực tế sẽ tác động kết quả, chất lượng thực hiện, không bảo đảm cho việc phân tích, đánh giá hiện trạng cấp nước sạch nông thôn vùng ven biển Bán đảo Cà Mau để xác định được những ảnh hưởng tích cực và tiêu cực trong quá trình cấp nước sạch nông thôn từ đó đề xuất các giải pháp bố trí xây dựng thêm các nhà máy nước, các khu xử lý nước tập trung phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo điều hành, xây dựng kế hoạch chủ động và ứng phó kịp thời trước tình huống khẩn cấp thiếu nước cho toàn vùng ven biển Bán đảo Cà Mau nói chung và cho mỗi tỉnh/thành phố thuộc vùng ven biển Bán đảo Cà Mau nói riêng gồm tỉnh Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau và một phần của Kiên Giang.

c. Luận giải sự cần thiết phải tiến hành điều tra.

(1) Bán đảo Cà Mau hình thành bởi phù sa do sông Mê Công vận chuyển tới và vận chuyển ra biển Đông rồi được sóng và hải lưu mang về. Đây là vùng đồng bằng trề, có độ cao thấp. Vùng ven biển Bán đảo Cà Mau, nơi tiếp giáp giữa biển Đông, biển Tây và 04 tỉnh gồm Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau và một phần của tỉnh Kiên Giang là vùng trũng, thấp, tiếp giáp với Biển. Chính vì vậy, đây là vùng thường xuyên xảy ra tình trạng hạn hán, xâm nhập mặn nhất là thời đoạn vào mùa khô.

(2) Theo số liệu thống kê, tỷ lệ sử dụng nước sạch trong vùng ven biển Bán đảo Cà Mau, gồm các tỉnh lần lượt đạt Sóc Trăng (67,0% CNNTTT; 10,6% CTCNNL), Bạc Liêu (71,2% CNNTTT; 25,2% CTCNNL), Cà Mau (63,3% CNNTTT; 53,7% CTCNNL) và một phần tỉnh Kiên Giang hiện nay đang còn ở mức thấp hơn so với tỷ lệ chương trình mục tiêu Quốc gia đề ra 100% hộ gia đình nông thôn, trường học, trạm y tế có nhà tiêu vệ sinh, đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn; 100% người dân nông thôn thường xuyên thực hiện vệ sinh cá nhân. 25% điểm dân cư nông thôn tập trung có hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt, 15% nước thải sinh hoạt được xử lý năm 2030. Đến năm 2050: Phần đầu 100% người dân nông thôn được sử dụng nước sạch và vệ sinh an toàn, bền vững; 50% điểm dân cư nông thôn tập trung có hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt, 30% nước thải sinh hoạt được xử lý.

Bảng 1: Bảng tỷ lệ cấp nước sạch nông thôn theo tỉnh vùng Bán đảo Cà Mau

Địa phương	Số hộ sử dụng nước sạch (hộ)	Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch (%)	Số hộ sử dụng nước từ CTCNTT (hộ)	Tỷ lệ hộ sử dụng nước từ CTCNTT (%)	Số hộ sử dụng nước từ CTCNNL (hộ)	Tỷ lệ hộ sử dụng nước từ CTCNNL (%)
ĐBSCL	2.948.419	78,7	2.221.985	59,3	726.434	19,4
Theo tỉnh						
Kiên Giang	203.530	63,2	94.888	29,5	108.642	33,7
Sóc Trăng	181.165	67	152.584	56,4	28.581	10,6
Bạc Liêu	122.215	71,2	78.908	46	43.307	25,2
Cà Mau	150.074	63,3	22.774	9,6	127.299	53,7

(3) Bên cạnh đó, vùng ven biển Bán đảo Cà Mau trong giai đoạn 2023 – 2024 số hộ dân thiếu nước sạch vẫn còn rất cao do ảnh hưởng của hạn hán xâm nhập mặn và nhiệt độ tăng cao chi tiết một số tỉnh như bảng sau:

Bảng 2: Bảng thống kê số hộ dân thiếu nước sạch

TT	Tỉnh	Số hộ thiếu nước 2019-2020	Số hộ thiếu nước 2023-2024	Số hộ được cấp nước từ dự án 7 tỉnh ĐTC	Số hộ còn lại cần hỗ trợ CNS
I	Sóc Trăng	24.400	6.400	16.616	12.400
1	H. Mỹ Tú	3.017			3.017
2	H. Kế Sách	4.930		3.879	1.051
3	H. Thạnh Trị	1.830			1.830
4	H. Mỹ Xuyên	808	415	1.432	
5	H. Trần Đề	3.171	390	2.337	834

TT	Tỉnh	Số hộ thiếu nước 2019-2020	Số hộ thiếu nước 2023-2024	Số hộ được cấp nước từ dự án 7 tỉnh ĐTC	Số hộ còn lại cần hỗ trợ CNS
6	H. Long Phú	1.566	60		1.566
7	TX Vĩnh Châu	2.169	2.300	4.311	
8	H. Cù Lao Dung	2.807	2.198	4.657	
9	H. Châu Thành	897			897
10	TX Ngã Năm	3.205	1.037		3.205
II	Kiên Giang	11.300	20.000	15.419	3.728
1	H. An Biên	1.756	3.053	3.462	
2	H. An Minh	1.332	1.958	1.882	
3	H. U Minh Thượng	1.562	845		1.562
4	H. Châu Thành	700	3.515		700
5	H. Gò Quao	1.697	467	1.871	
6	H. Vĩnh Thuận		2.102	2.047	
7	H. Giồng Riềng		2.155		
III	Cà Mau	20.500	3.900	20.770	6.021
1	H. Đầm Dơi	3.200	76	2.828	372
2	H. Trần Văn Thời	3.900	1.077	1.259	2.641
3	H. Thới Bình	3.500	727	7.731	
4	H. Phú Tân	1.200	458	978	222
5	Tp Cà Mau	1.400	801	3.000	
6	H. Ngọc Hiển	1.500		1.960	
7	H. Cái Nước	2.400	85	1.919	481
8	H. U Minh	1.600	661		1.600
9	H. Năm Căn	1.800	15	1.095	705
IV	Bạc Liêu	3.300	4.900	16.071	0
1	H. Đông Hải	1.100	1.780	5.028	
2	H. Hòa Bình	1.000	210	2.225	
3	H. Vĩnh Lợi	400	720	1.903	
4	H. Hồng Dân	400	1.150	1.918	
5	TX Giá Rai	400	550	2.998	
6	H. Phước Long		490	1.999	

(4) Trong những năm qua, vùng ven biển Bán đảo Cà Mau cũng như nhiều vùng khác ở ĐBSCL đã được sự quan tâm của các cấp chính quyền, các cơ quan chức năng và các tổ chức quốc tế, doanh nghiệp tư nhân... quan tâm đến lĩnh vực cấp nước sạch và VSMT nông thôn. Bằng nhiều nguồn vốn đầu tư, vốn hỗ trợ, vốn ngân sách, vốn huy động các thành phần kinh tế, vốn đóng góp của nhân dân. Tuy nhiên về vấn đề cấp nước sạch nông thôn trong vùng ven biển Bán đảo Cà Mau vẫn chưa được chú trọng so với mặt bằng chung.

(5) Nhìn chung, vùng ven biển Bán đảo Cà Mau hiện nay đã có công trình cấp nước sạch và kể cả công trình đang khởi công xây dựng, các công trình cấp nước nhỏ lẻ theo hộ gia đình nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người dân. Tuy nhiên, việc phát triển cấp nước vùng ven biển Bán đảo Cà Mau trong thời gian qua vẫn còn nhiều bất cập, mức phát triển cấp nước còn chậm, chưa đáp ứng yêu cầu với số liệu như bảng 1 và bảng 2. Nhiều địa phương đang gặp khó khăn về nước sinh hoạt, trong đó có nhiều vùng đặc biệt nghiêm trọng, người dân không

có nước sinh hoạt, ảnh hưởng rất lớn đến đời sống và sức khỏe. Trước tác động của BĐKH, nước biển dâng, xâm nhập mặn sâu, ô nhiễm nguồn nước, lũ lụt, hạn hán kéo dài, cạn kiệt nguồn nước, vv... tình hình khan hiếm nguồn nước càng trở nên trầm trọng, kéo dài và xảy ra trên toàn tỉnh. Trước tình hình trên, cần thiết phải có các giải pháp, nghiên cứu cấp bách nhằm đảm bảo cấp nước sinh hoạt, đảm bảo ổn định cuộc sống cho người dân nông thôn, đặc biệt đề thích ứng và đối phó với tình hình BĐKH.

(6) Tính đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có một dự án, đề án... nào có thông tin đầy đủ, chi tiết: tài liệu, số liệu, bản đồ,... về hiện trạng cấp nước sạch nông thôn vùng ven biển Bán đảo Cà Mau. Mỗi vùng, mỗi địa phương và kể cả mỗi tỉnh có một hệ thống cơ sở dữ liệu riêng, không đồng bộ chưa thống nhất được ký hiệu cũng như bộ dữ liệu...

(7) Nhu cầu cấp bách và cần thiết của nhân dân.

Vì vậy, việc “Điều tra, đánh giá và đề xuất giải pháp tạo nguồn, chuyển nước đảm bảo cấp nước ngọt ổn định phục vụ cấp nước sinh hoạt nông thôn cho khu vực chịu ảnh hưởng xâm nhập mặn vùng ven biển Bán đảo Cà Mau” là cần thiết và phải thực hiện ngay, qua đó có bộ dữ liệu, thông tin đầy đủ về hiện trạng cấp nước sinh hoạt nông thôn, hiện trạng nguồn nước, tiềm năng khai thác vùng ven biển Bán đảo Cà Mau để từ đó đề xuất được các giải pháp tạo nguồn nước ngọt ổn định, đảm bảo khai thác bền vững, nâng cao hiệu suất sử dụng phục vụ cấp nước sạch nông trong điều kiện biến đổi khí hậu gây ra hạn hán, xâm nhập mặn ảnh hưởng không nhỏ đến việc cấp nước sinh hoạt trong vùng.

3. Đối tượng, phạm vi điều tra

a. Đối tượng điều tra:

- Điều tra trực tiếp hiện trạng tất cả các Cơ sở hạ tầng có liên quan đến cấp nước nông thôn: (i) Công trình cấp nước: tập trung hay nhỏ lẻ, hộ gia đình (ii) Công trình giao thông; (iii) Công trình xây dựng (khu dân cư tập trung, khu công nghiệp,...); (iv) Chất lượng nước nông thôn; (v) Ảnh hưởng của hạn hán, xâm nhập mặn đến cấp nước sinh hoạt tại các địa phương; (vi) các hộ gia đình thiếu nước sạch sinh hoạt...

- Điều tra hiện trường bằng cảm quan (quan sát, chụp ảnh hiện trường) các cơ sở hạ tầng cấp nước thuộc diện đối tượng cần thiết điều tra.

b. Phạm vi về không gian, thời gian.

- Không gian điều tra

+ Toàn bộ các huyện thuộc vùng ven biển Bán đảo Cà Mau thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

+ Điều tra chọn mẫu trực tiếp: Điều tra trực tiếp hiện trạng cấp nước trong vùng ven biển Bán đảo Cà Mau có liên quan đến biến đổi khí hậu như hạn hán và xâm nhập mặn diễn ra trong vùng.

4. Nội dung và các chỉ tiêu thông tin cần thu thập

a. Nội dung nghiên cứu:

(1) Thu thập các dữ liệu có sẵn về điều kiện tự nhiên, dân sinh, kinh tế xã hội,... các địa phương, các đơn vị nghiên cứu. Từ đó đánh giá các yếu tố về tự nhiên, kinh tế - xã hội, môi trường tác động đến cấp nước nông thôn trên quan điểm phát triển. Phân tích các yếu tố và nguồn lực phát triển. Đánh giá quá trình phát triển. Dự báo xu thế phát triển, cơ hội và thách thức về điều kiện tự nhiên-kinh tế-Xã hội, tài nguyên nước và môi trường;

(2) Điều tra trực tiếp hiện trạng tất cả các Cơ sở hạ tầng có liên quan đến cấp nước nông thôn: (i) Công trình cấp nước: tập trung hay nhỏ lẻ, hộ gia đình (ii) Công trình giao thông; (iii) Công trình xây dựng (khu dân cư tập trung, khu công nghiệp,...); (iv) Chất lượng nước nông thôn; (v) Ảnh hưởng của hạn hán, xâm nhập mặn đến cấp nước sinh hoạt tại các địa phương;

(3) Cập nhật và Điều tra bổ sung các công trình cấp nước nhỏ lẻ theo hộ gia đình vùng ven biển Bán đảo Cà Mau. Đồng thời, điều tra số hộ gia đình thiếu nước trong những năm trở lại đây trong vùng ven biển Bán đảo Cà Mau;

(4) Điều tra các tác động bởi biến đổi khí hậu (BĐKH) đến Cấp nước sinh hoạt nông thôn vùng ven biển Bán đảo Cà Mau;

(5) Lập bản đồ và Cập nhật dữ liệu lên bản đồ Webgis về hiện trạng Cơ sở cấp nước vùng ven biển Bán đảo Cà Mau (*tại các huyện như phụ lục đính kèm*);

(6) Đánh giá những khó khăn và bất lợi trong quá trình cấp nước sạch nông thôn và ngược lại nhằm khắc phục;

(7) Đề xuất giải pháp tạo nguồn, chuyển nước đảm bảo nguồn nước ngọt ổn định phục vụ cấp nước sinh hoạt nông thôn cho khu vực chịu ảnh hưởng xâm nhập mặn vùng ven biển Bán đảo Cà Mau;

(8) Tổng hợp kết quả Điều tra hiện trạng cấp nước sinh hoạt nông thôn và đề xuất giải pháp tạo nguồn, chuyển nước đảm bảo nguồn nước ngọt ổn định phục vụ cấp nước sinh hoạt nông thôn cho khu vực chịu ảnh hưởng xâm nhập mặn vùng ven biển Bán đảo Cà Mau.

b. Các chỉ tiêu thông tin cần thu thập trong từng nội dung:

- Các tiêu chí thông tin thu thập, điều tra đầy đủ để đáp ứng được mục tiêu đề ra.

- Các thông tin thu thập, điều tra phải được cập nhật đến năm 2024.

- Các chỉ tiêu thông tin điều tra, thu thập phải trích xuất nguồn gốc tài liệu rõ ràng và cụ thể.

5. Phương pháp điều tra:

a. Phương pháp điều tra thu thập thông tin, số liệu:

- Điều tra, thu thập thông tin liên quan đến các Cơ sở hạ tầng có liên quan đến cấp nước nông thôn: (i) Công trình cấp nước: tập trung hay nhỏ lẻ, hộ gia đình (ii) Công trình giao thông; (iii) Công trình xây dựng (khu dân cư tập trung, khu công nghiệp,...); (iv) Chất lượng nước nông thôn; (v) Ảnh hưởng của hạn hán,

xâm nhập mặn đến cấp nước sinh hoạt tại các địa phương và các số liệu về địa hình, địa chất, thủy văn, dân sinh kinh tế xã hội, v.v... Tại các Sở NN &PTNT, Ban Quản lý DA ngành NN, Các Viện Nghiên cứu, Công ty Tư vấn, v.v...

- Điều tra, khảo sát hiện trường để bổ sung các tài liệu phục vụ công tác đánh giá hiện trạng cấp nước nông thôn trong vùng ven biển Bán đảo Cà Mau và đề xuất các giải pháp đảm bảo khai thác bền vững, nâng cao hiệu suất sử dụng phục vụ cấp nước sạch nông trong điều kiện biến đổi khí hậu vùng ven biển Bán đảo Cà Mau.

b. Phương pháp xử lý thông tin, số liệu điều tra:

- Xử lý thông tin: Tất cả thông tin từ điều tra mẫu và điều tra toàn bộ được nhập vào máy lưu thành các bảng số liệu thô dùng để xử lý trích rút kết quả điều tra. Thông tin được xử lý trích rút ra là những thông tin cơ bản theo các bảng kết quả đầu ra của cuộc điều tra.

- Các số liệu khảo sát hiện trường sẽ được xử lý theo quy phạm hiện hành.

- Đối với các file mềm có thể lưu vào USB sau đó lọc thông tin khi viết báo cáo, đối với tài liệu dạng cứng có thể scan thành file mềm để dễ dàng thuận tiện mang đi.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐIỀU TRA

1. Khả năng hợp tác, lồng ghép với các cuộc điều tra của Tổng cục Thống kê hoặc với các điều tra khác:

Nhìn chung, các dự án cấp nước sạch nông thôn vùng ven biển Bán đảo Cà Mau gồm: Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, và một phần tỉnh Kiên Giang mặc dù đã được Đảng, tỉnh chú trọng quan tâm rất nhiều. Tuy nhiên, tỷ lệ cấp nước sạch nông thôn vẫn còn thấp hơn so với mục tiêu của Thủ tướng đề ra. Chính vì vậy nguồn tài liệu tương đối thô sơ và các dự án điều tra hiện trạng cấp nước tương đối hạn chế và các dữ liệu hầu như được lưu trữ tại địa phương. Do vậy, cần nhiều thời gian và nhân lực để thực hiện; sẽ phối hợp chặt chẽ với các Sở Nông nghiệp và PTNT, Trung tâm nước sạch nông thôn, và các công ty khai thác công trình thủy lợi các tỉnh, huyện, xã trong quá trình thực hiện.

2. Hình thức thực hiện:

a. Phần việc thuộc nội dung tư vấn điều tra

Thực hiện theo hình thức giao nhiệm vụ cho đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- Căn cứ giao nhiệm vụ: Quyết định số 254/QĐ-TTg ngày 22/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác của Bộ Nông nghiệp và PTNT, trong đó quy định Bộ được quyết định lựa chọn đơn vị sự nghiệp công lập để cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo hình thức giao nhiệm vụ.

- Dự toán kinh phí: **4.500.000.000 đồng** (bằng chữ: Bốn tỷ năm trăm triệu đồng)

- Nguồn vốn: Nguồn ngân sách nhà nước.

b. Phần việc thuộc công tác quản lý, kiểm tra, giám sát:

Dự toán kinh phí: 300.000.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm triệu đồng).

3. Tiến độ thực hiện dự án.

[illegible]

[illegible]

IV. SẢN PHẨM DỰ KIẾN

Sản phẩm dự kiến gồm:

1. Các tài liệu thu thập: Phân loại, lưu ổ cứng dữ liệu.
2. Bộ Cơ sở dữ liệu về hiện trạng cấp nước sinh hoạt vùng ven biển Bán đảo Cà Mau được xây dựng trên phần mềm Excel dạng bảng biểu.
3. Bộ bản đồ hiện trạng cấp nước sinh hoạt vùng ven biển Bán đảo Cà Mau được số hóa trên phần mềm ArcGIS/QGIS, gồm:
 - Bản đồ hiện trạng cấp nước sinh hoạt vùng ven biển Bán đảo Cà Mau trên tỷ lệ 1:250.000: Bản đồ giấy khổ A0, bản đồ số.
 - Bản đồ hiện trạng cấp nước sinh hoạt vùng ven biển Bán đảo Cà Mau cho từng tỉnh thuộc phạm vi vùng ven biển Bán đảo Cà Mau trên tỷ lệ 1:100.000: Bản đồ giấy khổ A0, bản đồ số.
 - Bản đồ hiện trạng cấp nước sinh hoạt vùng ven biển Bán đảo Cà Mau cho từng huyện trên tỷ lệ 1:50.000: Bản đồ giấy khổ A0, bản đồ số.
4. Bản đồ Webgis cập nhật hiện trạng cấp nước sinh hoạt vùng ven biển Bán đảo Cà Mau.
5. Báo cáo Đánh giá những tác động/ảnh hưởng của của Biến đổi khí hậu (hạn hán, xâm nhập mặn, nguy cơ thiếu nước sinh hoạt...) đến quá trình cấp nước sạch nông thôn.
6. Báo cáo Đề xuất các giải pháp tạo nguồn, chuyển nước nhằm đảm bảo cấp nước ngọt ổn định phục vụ cấp nước sinh hoạt nông thôn cho khu vực chịu ảnh hưởng xâm nhập mặn vùng ven biển Bán đảo Cà Mau.
7. Báo cáo Tổng hợp kết quả Điều tra hiện trạng cấp nước sinh hoạt nông thôn vùng ven biển Bán đảo Cà Mau và đề xuất các giải pháp đảm bảo khai thác bền vững, nâng cao hiệu suất sử dụng phục vụ cấp nước sạch nông trong điều kiện biến đổi khí hậu đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.
8. Ổ cứng lưu trữ: dữ liệu khảo sát và thu thập; bộ cài đặt phần mềm và cơ sở dữ liệu.

V. NHU CẦU KINH PHÍ

1. Căn cứ tính toán

- Căn cứ thông tư 40/2017/TT - BTC ngày 28/04/2017 của Bộ Tài Chính về Quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập trong cả nước;
- Mức lương cơ sở áp dụng theo nghị định 38/2019/NĐ-CP ngày 09/05/2019 quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang;
- Chi phí xây dựng bản đồ và cơ sở dữ liệu theo Quyết định Số 1988/QĐ-BTNTMT ngày 31/7/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc Ban hành bộ đơn giá sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực đo đạc và bản đồ do Bộ Tài

nguyên và Môi trường đặt hàng, giao kế hoạch sử dụng ngân sách nhà nước năm 2019 (Theo mức lương cơ sở: 1.800.000 đồng);

- Thông tư số 43/2013/TT-BNNPTNT ngày 22/10/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện quản lý nhiệm vụ Khoa học công nghệ, quản lý tài chính của nhiệm vụ Khoa học công nghệ và công tác tổ chức cán bộ của các tổ chức cán bộ của các tổ chức Khoa học Công nghệ công lập trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

2. Bảng dự toán chi phí cho từng nội dung công việc

TT	Tên công việc	Tổng kinh phí	Thành tiền (đ)	
			Năm 2024	Năm 2025
A	CHI PHÍ HỖ TRỢ CƠ QUAN QUẢN LÝ DỰ ÁN	300.000.000	80.000.000	220.000.000
1	Chi phí quản lý dự án	160.000.000	40.000.000	120.000.000
2	Chi phí tư vấn giám sát	140.000.000	40.000.000	100.000.000
B	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐIỀU TRA	4.200.000.000	1.350.000.000	2.850.000.000
1	Thu thập tài liệu cơ bản sẵn có	200.000.000	200.000.000	0
2	Điều tra trực tiếp hiện trạng tất cả các Cơ sở hạ tầng có liên quan đến cấp nước nông thôn vùng ven biển Bán đảo Cà Mau	1.600.000.000	800.000.000	800.000.000
3	Cập nhật và Điều tra hiện trạng cấp nước vùng ven biển Bán đảo Cà Mau	800.000.000	400.000.000	400.000.000
4	Lập bản đồ và Cập nhật dữ liệu lên bản đồ Webgis hiện trạng cấp nước sạch nông thôn vùng ven biển Bán đảo Cà Mau	600.000.000	0	600.000.000
5	Đánh giá những tác động/ảnh hưởng của của Biến đổi khí hậu (hạn hán, xâm nhập mặn, nguy cơ thiếu nước sinh hoạt...) đến quá trình cấp nước nông thôn vùng ven biển Bán đảo Cà Mau	400.000.000	0	400.000.000
6	Đề xuất các giải pháp tạo nguồn, chuyển nước nhằm đảm bảo cấp nước ngọt ổn định phục vụ cấp nước sinh hoạt nông thôn cho khu vực chịu ảnh hưởng xâm nhập mặn vùng ven biển Bán đảo Cà Mau	400.000.000	0	400.000.000
7	Xây dựng báo cáo Tổng hợp kết quả Điều tra hiện trạng cấp nước sinh hoạt nông thôn vùng ven biển Bán đảo Cà Mau và đề xuất các giải pháp đảm bảo khai thác bền vững, nâng cao hiệu suất sử dụng phục vụ cấp nước sạch nông trong điều kiện biến đổi khí hậu đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	200.000.000	50.000.000	150.000.000
8	Chi khác	200.000.000	100.000.000	100.000.000
Tổng cộng (làm tròn):		4.500.000.000	1.430.000.000	3.070.000.000

